

PHÉP DỪNG BÁNH

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, Đức Thế Tôn cứ bốn tháng cạo tóc một lần. Khi cạo tóc, người đời thường đem bánh trái đến hiến Thế Tôn. Khi ấy, có một Bà-la-môn hỏi vợ:

- Trong nhà có vật liệu để làm bánh không?

- Có! Gạo lúa mạch hai đấu, dầu bốn thăng. Ông định dùng để làm gì?

- Hôm nay Sa-môn Cù-đàm cạo tóc, dân chúng ắt mang bánh đến cúng dường. Bà hãy làm bánh cho nhanh lên để tôi theo bạn bè đem đến cúng dường Sa-môn Cù-đàm.

Thế rồi, bà vợ làm bánh, bỏ vào trong thố, dùng khăn sạch đập lên trên đưa cho ông chồng mang đi. Lúc ấy, có các quốc vương, đại thần, Sát-lợi, Bà-la-môn, các lãnh chúa của mười tám thôn lớn, tất cả đại chúng đang vây quần xung quanh Thế Tôn. Thấy thế, Bà-la-môn này nghi ngại, sợ sệt không dám đường đột đi tới trước, bèn ngồi một mình ở một chỗ suy nghĩ: “Nếu Sa-môn Cù-đàm có Nhất thiết trí, Nhất thiết kiến thường quan sát thế gian không có gì là không thấy, không có gì là không biết, thì nay ta đây cũng là thế gian, đương nhiên Ngài sẽ biết tâm của ta”. Khi ấy, Phật biết tâm niệm của Bà-la-môn, từ xa gọi ông ta đến. Lúc ông đến rồi, Phật biết mà vẫn hỏi:

- Nay Bà-la-môn! Trong cái thố của ông đang đựng vật gì vậy?

- Đó là bánh, bạch Thế Tôn!

- Hãy đem dọn cho chúng Tăng mỗi người một cái.

- Đại chúng này đến năm trăm người mà bánh thì rất ít, không thể nào dọn đủ, bạch Thế Tôn!

- Ông cứ dọn đi.

Thế rồi, Bà-la-môn đem dọn cho mỗi người một cái mà số bánh vẫn không giảm bớt. Thậm chí ông đi phát đến ba lần mà số bánh vẫn như cũ không hề giảm bớt. Lúc ấy, Bà-la-môn suy nghĩ: “Sa-môn Cù-đàm có đại thần lực, số bánh ít ỏi như thế mà phát cho đại chúng đến ba lần vẫn không hề giảm bớt”. Phật biết tâm ý Bà-la-môn hoan hỷ, liền tùy thuận thuyết pháp, chỉ bảo làm cho ông được lợi ích, vui vẻ. Bà-la-môn đạt được quả vị Tu-đà-hoàn. Các Tỳ-kheo bạch với Phật:

- Bạch Thế Tôn! Vì sao Bà-la-môn này dùng phương tiện nhỏ mà lại được quả báo lớn?

- Không những ngày nay ông dùng phương tiện nhỏ đạt được quả báo lớn mà trong thời quá khứ cũng đã từng có như vậy, như trong kinh Bốn sinh đã đề cập.

Về bánh thì gồm có các loại: Bánh đại mạch, bánh lúa mạch, bánh tiểu mạch, bánh gạo, bánh đậu, bánh dầu, bánh sữa chua, bánh ma hầu la, bánh bát ba lặc, bánh tai trâu, bánh ba lợi tư, bánh sô đồ,

bánh mạn chỉ la, bánh hoan hỷ hoàn nhục. Tất cả các loại tương tự như vậy đều được gọi là bánh. Trừ bánh thịt, bánh tân trà, ngoài ra tất cả các loại bánh khác khi ăn không được xem là ăn biệt chúng, ăn nhiều chỗ, ăn no.

Đó gọi là phép dùng bánh.

PHÉP DÙNG RAU

Khi Phật an trú tại ấp lớn tên Tần Đầu dãy núi phía Nam, lúc ấy có hai Ưu-bà-di, người thứ nhất tên Ta-bà-cư, người thứ hai tên Xoa-ba-năng. Họ nấu (cháo) rau khéo đến nỗi có mùi vị giống như thịt. Khi nấu xong bèn đem cúng dường cho các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo không nhận, lòng sinh hồ nghi, nghĩ: “Đức Thế Tôn chế giới không được ăn nhiều chỗ (lần), vì sao chúng ta lại xem món này là hợp pháp để mà ăn?” Thế rồi, họ đem sự việc ấy bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền dạy:

- Ăn tất cả các loại rau không phải là ăn nhiều lần, không phải là ăn biệt chúng, không phải là ăn no.

Về rau gồm có các loại: rau khô, rau cải, hành, bầu v.v... tương tự những loại như vậy đều gọi là rau.

PHÉP DÙNG LƯƠNG KHÔ

Lương khô gồm có các loại: lương khô đại mạch, tiểu mạch, khoáng mạch, mông cụ, ma-sa, ca-la-na, y ly, mè. Các loại lương khô tương tự như vậy khi ăn không được xem là ăn biệt chúng, ăn nhiều lần, ăn no. Đó gọi là phép dùng lương khô.

PHÉP DÙNG NƯỚC TRÁI CÂY

Khi Phật an trú tại thành Vương xá, lúc ấy cư sĩ Ưu-già-lê mở hội bố thí lớn gồm voi, ngựa, nô tỳ mỗi thứ năm trăm và trong các vật bố thí linh tinh khác có nước ép trái cây để lâu ngày, do đó các Tỳ-kheo uống vào bị say. Họ bèn đem sự việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật dạy:

- Từ nay về sau, nước ép trái cây để lâu ngày, Ta không cho phép uống.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thôn của Bà-la-môn Tần Đầu, ở núi phía Nam, lúc ấy nhằm ngày lễ hội, các Bà-la-môn, cư sĩ đem các thức ẩm thực cúng dường cho các Sa-môn ở trong thôn. Bấy giờ, đến giờ khát thực, Đức Thế Tôn khoác y, cầm bát vào thôn khát thực. Khi ấy,

ma Ba-tuần suy nghĩ: “Sa-môn Cù-đàm đang vào thôn khát thực, vậy ta hãy vào trước trong thôn mê hoặc tâm của những đàn-việt, khiến họ không cúng dường thực phẩm cho ông ta”. Thế rồi, Đức Thế Tôn vào thôn khát thực khắp mọi chỗ mà không được thứ gì nên mang bát không trở ra, đến ngồi bên một gốc cây. Lúc ấy, ma Ba-tuần suy nghĩ: “Sa-môn Cù-đàm đi khát thực khắp nơi mà không được thứ gì, giờ đây ta hãy đến quấy nhiễu làm cho tâm ý ông rối loạn”. Tức thì y đến chỗ Phật, đứng qua một bên, nói như sau:

- Sa-môn Cù-đàm! Nên vào thôn khát thực, ta sẽ khiến cho lúc vừa vào đến thôn, liền được các món ăn ngon.

Khi ấy, Thế Tôn vì ma Ba-tuần đọc kệ như sau:

*Nay người mất lợi ích
 Vì nhiễu loạn Như Lai,
 Tự chuốc vô lượng tội,
 Như Lai chẳng khổ sầu,
 Vì đã lìa phiền não,
 Thường được sống an lạc.
 Niệm pháp vui thiền định,
 Giống như Quang Âm Thiên.*

Lúc ấy, ma Ba-tuần bỗng nhiên biến mất. Thế là ngày hôm ấy Thế Tôn không được ăn. Các Tỳ-kheo nghe được tin này, những ai đã ăn thì hối hận, những ai ăn nửa chừng thì nghỉ ăn, còn những ai chưa ăn thì không ăn. Các Sa-môn, Bà-la-môn nghe tin Phật và Tỳ-kheo Tăng không được ăn, liền đem năm trăm chiếc bánh đường phèn đến dâng lên Thế Tôn. Phật bảo các Tỳ-kheo dùng nước tác tịnh rồi nhận lấy, để những Tỳ-kheo bệnh hay không bệnh cũng đều được ăn cả.

Lại nữa, khi Phật an trú bên sông Lê-kỳ-xà, lúc ấy, bát của Thế Tôn và bát của Tỳ-kheo đều để ở chỗ đất trống. Bỗng có con khỉ đi ngang qua bụi cây, thấy trong cây có tổ ong mật đã chín mà không có ong, liền đến lấy bát của Thế Tôn. Các Tỳ-kheo ngăn cản nó, Phật dạy:

- Đừng có ngăn cản, nó không có ác ý đâu.

Thế là con khỉ bèn cầm bát đi lấy mật đem lại cúng dường. Thế Tôn chưa nhận, định dùng nước tác tịnh rồi mới nhận. Con khỉ không hiểu ý Phật, tưởng là Phật chê trong bát có trùng. Nó xem lại bát thì thấy có vết mật chảy ở ngoài bát. Nó liền cầm bát đem xuống nước rửa và nước đã rơi vào trong bát. Đoạn, nó cầm đến dâng lên cho Phật, Phật liền nhận lấy. Khi được Phật nhận rồi, con khỉ vui mừng cực độ, nên vừa

đi vừa múa, nhưng rủi thay bị rơi xuống hầm, chết liền tức khắc. Lúc ấy, các Tỳ-kheo liền đọc kệ:

*Khi Phật an trú tại rừng cây
Bát Phật, bát Tăng để chỗ trống
Dã thú có trí muốn gieo phúc,
Thấy tổ ong mật không có ong.
Liền đi ngay đến lấy bát Phật,
Tỳ-kheo định ngăn, Phật không cho.
Lấy bát đựng mật dâng lên Phật
Như Lai xót thương, liền nhận lấy.
Lòng mừng khắp khởi nhả tung tăng,
Rủi rơi xuống hố liền vong mạng.
Bèn sinh cõi trời Ba mươi ba,
Tái sinh xuất gia thành La hán.*

Lại nữa, khi Phật du hành nước Ưng-câu-đa-la, lúc ấy, Phạm chí Kê-ni-da-loa-kế nghe Thế Tôn đến bèn chuẩn bị các loại nước ép trái cây để đợi Thế Tôn. Khi Thế Tôn đến, ông đem các loại nước ấy dâng lên Phật và chúng Tăng. Các Tỳ-kheo tâm sinh nghi, nghĩ: “Đức Thế Tôn chế giới không cho phép uống nước ép trái cây để lâu ngày thì làm sao chúng ta uống được?”. Nghĩ thế rồi, các Tỳ-kheo đem ý nghĩ ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật dạy:

- Ta cho phép được uống nước trái ép. Nước trái ép gồm có 14 loại. Mười bốn loại đó là gì? Đó là:

1. Nước am la.
2. Nước câu lê.
3. Nước an thạch lựu.
4. Nước điên đa.
5. Nước nho.
6. Nước ba lâu sa.
7. Nước lâu lâu trừ.
8. Nước trái chuối.
9. Nước kế già đề.
10. Nước kiếp pha la.
11. Nước ba lung cừ.
12. Nước đường phèn.
13. Nước ha lê đà.
14. Nước khư phi lê.

Đó gọi là mười bốn loại nước trái cây ép. Khi đem lọc cho sạch

thì tất cả đều cho phép uống. Nếu chúng biến ra màu rượu, vị rượu, mùi rượu thì tất cả đều không cho phép uống.

Nếu có ai mang nước ép trái cây đến thì nên tác tịnh.

Nếu dưới đáy hũ còn lại chút ít nước lạnh thì đó được xem là tác tịnh.

Nếu trời mưa, nước rơi vào trong hũ cũng được xem là tác tịnh.

Nếu khi súc hũ còn sót lại chút nước cũng được xem là tác tịnh.

Nếu xe chở đường phèn bị mắc mưa, cũng được xem là tác tịnh.

Nếu dùng thuyền chở, nước văng vào trong hũ, cũng được xem là tác tịnh.

Nếu tịnh nhân rửa tay, nước văng vào trong hũ, cũng được xem là tác tịnh.

Đó gọi là phép dùng nước ép trái cây.
